TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 –VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2026/HNGĐ- ST
Ngày 24/3/2026
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Hết

Bà Trần Thị sẩm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thiên Trang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Ngày **24** tháng **3** năm **2026** tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2026/TLST-HN, ngày 07 tháng 01 năm 2026; về việc "*xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HN ngày 26/02/2026 và quyết định hoãn phiên toà số: 51/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2026 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Hồ Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**** Bị đơn*:** Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị H *trình bày:*

Vào năm 2004 quá trình tìm hiểu tôi và anh M đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp và chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh M.

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Xuân T, sinh năm 2004, Huỳnh Xuân T1, sinh năm 2007. Các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Huỳnh Ngọc M vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị H cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị H có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị H là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Chị H có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh M được triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh M

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị H, anh M kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh M đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh M không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị H. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[2] Về con chung: Các con chung của vợ chồng anh chị là Huỳnh Xuân T, sinh năm 2004, Huỳnh Xuân T1, sinh năm 2007 hiện tại đã trưởng thành, các bên không tranh chấp hay yêu cầu gì về quyền lợi các con là tự nguyện, nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị H. Chị Hồ Thị H được ly hôn anh Huỳnh Ngọc M.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, các bên không tranh chấp hay yêu cầu gì về quyền lợi các con, nên không xem xét.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Chị H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000094 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV 9-VL (2b);
- Phòng THADSKV9 -VL.(1b);
- UBND ĐKKH (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Phong